

Bản án số: 129/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-06-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Thanh Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về xác định cha cho con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2025 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 12/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Y; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh S, M - C; địa chỉ: Tầng B, số nhà E, ngõ B, đường T, cụm A, phường T, thành phố T, T, Đài Loan; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu T; địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Y trình bày:

Chị Bùi Thị Y và anh Shin M - C1, địa chỉ: Tầng B, số nhà E, ngõ B, đường T, cụm A, phường T, thành phố T, T, Đài Loan là người quốc tịch Đài Loan kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H ngày 03/12/2010. Sau khi kết hôn, chị Y và anh C chung sống được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về văn hoá, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Gia đình đã khuyên giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Chị Y và anh C sống ly thân từ cuối tháng 2 năm 2011 đến đầu tháng 3/2011, chị Y trở về Việt Nam và không còn liên lạc với anh C. Trong thời gian ở Việt Nam chị Y đã có quan hệ như vợ chồng với anh Nguyễn Hữu T và sinh được 03 người con cụ thể: Ngày 20/11/2015, chị Y sinh cháu Nguyễn Thị Bảo T1 (tên dự định) tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 17, quyền số 27 ngày 20/11/2015; ngày 26/1/2017, chị Y sinh cháu Nguyễn Hữu D (tên dự sinh) tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 65, quyền số 01 ngày 26/1/2017; ngày 21/8/2018, chị Y sinh cháu Nguyễn Hữu P (tên dự sinh) tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 36, quyền số 24 ngày 21/8/2018.

Về tình cảm: Chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh Shin M - Chieh không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Y yêu cầu ly hôn anh Shin M - Chieh.

Về con chung và tài sản chung: Chị Bùi Thị Y và anh Shin M - Chieh không có con chung, không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị Y có yêu cầu về xác định cha cho con như sau: Trong thời kỳ hôn nhân với anh Shin M - C, chị Y có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Hữu T và sinh được 03 người con:

- Ngày 20/11/2015, chị Y sinh cháu Nguyễn Thị Bảo T1 (tên dự định) tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 17, quyền số 27 ngày 20/11/2015.

- Ngày 26/1/2017, chị Y sinh cháu Nguyễn Hữu D (tên dự sinh) tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 65, quyền số 01 ngày 26/1/2017.

- Ngày 21/8/2018, chị Y sinh cháu Nguyễn Hữu P (tên dự sinh) tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 36, quyền số 24 ngày 21/8/2018.

Kết quả giám định ADN xác định anh Nguyễn Hữu T có quan hệ cha con với cháu T1, cháu D và cháu P. Vì vậy, chị Y yêu cầu Toà án xác định anh Nguyễn Hữu T là bố đẻ của cháu Nguyễn Thị Bảo T1, cháu Nguyễn Hữu D và cháu Nguyễn Hữu P.

Đối với bị đơn anh Shin M - Chieh: Toà án đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo yêu cầu anh Shin M - C cung cấp lời khai về các yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Y theo địa chỉ của anh Shin M - C mà chị Y cung cấp như ghi tại Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Bùi Thị Y và anh Shin M - Chieh ngày 03/12/2010. Kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện: Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ

Đài Loan đã thực hiện uỷ thác tư pháp vào ngày 16/9/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ uỷ thác tư pháp tại đồn công an.

Tại Biên bản làm việc ngày 27/2/2025 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T trình bày: Trong thời gian chị Bùi Thị Y và anh Shin M - Chieh vẫn là vợ chồng hợp pháp, anh T và chị Y có quan hệ tình cảm và có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T1, cháu Nguyễn Hữu D và cháu Nguyễn Hữu P như lời trình bày của chị Y. Anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Y và cùng có yêu cầu: Xác định anh T là bố đẻ của 03 cháu Nguyễn Thị Bảo T1, cháu Nguyễn Hữu D và cháu Nguyễn Hữu P.

Do công việc bận nên anh T xin được vắng mặt tại phiên toà và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là công dân Việt Nam, cư trú tại thành phố Hải Phòng, bị đơn cư trú ở Đài Loan. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo yêu cầu anh Shin M - C cung cấp lời khai về các yêu cầu khởi kiện của chị Y theo địa chỉ của anh Shin M - C mà chị Y cung cấp như ghi tại Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Bùi Thị Y và anh Shin M - Chieh ngày 03/12/2010. Kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện: Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện uỷ thác tư pháp vào ngày 16/9/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ uỷ thác tư pháp tại đồn công an. Do công việc bận nên anh T xin được vắng mặt tại phiên toà và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y và anh Shin M - C1, địa chỉ: Tầng B, số nhà E, ngõ B, đường T, cụm A, phường T, thành phố T, T, Đài Loan là người quốc tịch Đài Loan kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố H ngày 03/12/2010, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét chị Y và anh Shin M - C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tình cảm vợ chồng, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh Shin M - Chieh.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị Y xác nhận chị và anh Shin M - Chieh không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Anh Shin M - Chieh không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Y và anh Shin M - Chieh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về yêu cầu xác định cha cho con của chị T2: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Hữu T cùng thống nhất xác định anh chị có 03 con chung là:

- Cháu Nguyễn Thị Bảo T1 (tên dự sinh), do chị Y sinh ra vào ngày 20/11/2015 tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 17, quyển số 27 ngày 20/11/2015.

- Cháu Nguyễn Hữu D (tên dự sinh), do chị Y sinh ra vào ngày 26/1/2017 tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 65, quyển số 01 ngày 26/1/2017.

- Cháu Nguyễn Hữu P (tên dự sinh), do chị Y sinh ra vào ngày 21/8/2018 tại Bệnh viện K, Hải Phòng, theo Giấy chứng sinh số 36, quyển số 24 ngày 21/8/2018.

Theo Kết quả xét nghiệm ADN ngày 08/10/2023 của Công ty Cổ phần D1 kết luận: Người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Hữu T và người có mẫu ADN ký hiệu Nguyễn Thị Bảo T1, Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu P có cùng quan hệ huyết thống Cha - con. Vì vậy, căn cứ các Điều 88, Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Y: Xác định anh Nguyễn Hữu T là bố đẻ của cháu Nguyễn Thị Bảo T1, Nguyễn Hữu D và Nguyễn Hữu P.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp: Chị Bùi Thị Y là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, các Điều 273, 469, 477, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 90, Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Shin M - Chieh.

2. Về con chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Xác định anh Nguyễn Hữu T là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Bảo T1 (tên dự sinh), sinh ngày 20/11/2015 (theo Giấy chứng sinh số 17, quyển số 27 do Bệnh viện K, Hải Phòng cấp ngày 20/11/2015); cháu Nguyễn Hữu D (tên dự sinh), sinh ngày 26/1/2017 (theo Giấy chứng sinh số 65, quyển số 01 do Bệnh viện K, Hải Phòng cấp ngày 26/1/2017); cháu Nguyễn Hữu P (tên dự sinh), sinh ngày 21/8/2018 (theo Giấy chứng sinh số 36, quyển số 24 do Bệnh viện K, Hải Phòng cấp ngày 21/8/2018).

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

- Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000065 ngày 02/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Chị Bùi Thị Y phải chịu 200.000 Đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 Đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp theo Biên lai số 0000359 ngày 16/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Chị Bùi Thị Y đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Hữu T.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Chị Bùi Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Shin M - Chieh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01

(một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang